

Ngày soạn:

Ngày dạy:

## **BÀI 7. THỦY VĂN VIỆT NAM**

Phân: Địa lí,

Lớp: 8,

Thời lượng: dạy 4 tiết

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Về kiến thức**

- Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.
- Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.
- Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.
- Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông.

#### **2. Về năng lực**

##### **a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

##### **b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:
  - + Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.
  - + Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.
  - + Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.
  - + Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
  - + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr114-120.
  - + Sử dụng các bản đồ: hình 7.1 SGK tr115 để xác định các lưu vực sông chính.
  - + Sử dụng bảng 7 SGK tr116 để xác định độ dài, diện tích lưu vực, lượng dòng chảy và mùa lũ của một số hệ thống sông lớn.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: kể tên và trình bày vai trò của một hồ tự nhiên hoặc hồ nhân tạo mà em biết ở địa phương em hoặc nước ta.

**3. Về phẩm chất:** ý thức học tập nghiêm túc, ý thức sử dụng tiết kiệm và bảo vệ sự trong sạch của nguồn nước sông, hồ, đầm, nước ngầm.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Giáo viên (GV)

- KHBD, SGK, sách giáo viên (SGV), Atlas Địa lí VN.

- Hình 7.1. Bản đồ lưu vực các hệ thống sông VN, bảng 7. Một số hệ thống sông lớn ở VN, hình 7.2. Một đoạn sông Lô, hình 7.3. Một đoạn sông Thu Bồn, hình 7.4. Hoạt động du lịch trên hồ Ba Bể, hình 7.5. Một số hoạt động sử dụng tổng hợp nước thuộc lưu vực sông Đà hoặc các hình ảnh tương tự phóng to.

- Phiếu học tập, bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

**2. Học sinh (HS):** SGK, vở ghi, Atlas Địa lí VN.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)

**a. Mục tiêu:** Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

**b. Nội dung:** GV cho HS chơi trò chơi “Đố em văn hóa”

**c. Sản phẩm:** HS giải được trò chơi “Đố em văn hóa” GV đặt ra.

**d. Tổ chức thực hiện:**

#### Bước 1. Giao nhiệm vụ:

\* GV lần lượt đặt các câu đố về tên sông cho HS trả lời:

1. Sông gì đỏ nặng phù sa?
2. Sông gì lại được hóa ra chín rồng?
3. Làng quan họ có con sông, Hỏi dòng sông ấy là sông tên gì?
4. Sông tên xanh biết sông chi?
5. Sông gì tiếng vó ngựa phi vang trời?
6. Sông gì chẳng thể nổi lên. Bởi tên của nó gắn liền dưới sâu
7. Hai dòng sông trước sông sau. Hỏi hai dòng sông ấy ở đâu? Sông nào?
8. Sông nào nơi ấy sóng trào. Vạn quân Nam Hán ta đào mồ chôn?

## **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:**

- \* HS nghe câu đố và sự hiểu biết của bản thân, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.
- \* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

## **Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

1. Sông Hồng
2. Sông Cửu Long.
3. Sông Cầu.
4. Sông Lam.
5. Sông Mã.
6. Sông Đáy.
7. Sông Tiền, sông Hậu.
8. Sông Bạch Đằng.

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới:** Qua những câu đố trên phần nào đã phản ánh được Việt Nam là một trong những quốc gia có hệ thống sông ngòi dày đặc, bên cạnh đó nước ta còn có nhiều hồ, đầm và lượng nước ngầm phong phú. Vậy sông ngòi nước ta có những đặc điểm gì? Hồ, đầm và nước ngầm ở nước ra đóng vai trò như thế nào đối với sản xuất và sinh hoạt? Để biết được những điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

## **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (145 phút)**

### **2.1. Tìm hiểu về Đặc điểm mạng lưới sông (45 phút)**

**a. Mục tiêu:** HS xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.

**b. Nội dung:** Quan sát bản đồ hình 7.1 SGK tr115 hoặc Atlas ĐLVN kết hợp kênh chữ SGK tr114, 116, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

c. **Sản phẩm:** trả lời được các câu hỏi của GV.



Hình 7.1. Bản đồ các lưu vực hệ thống sông ở Việt Nam

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* GV gọi HS đọc nội dung mục 1 SGK.</li> <li>* GV treo bản đồ hình 7.1 lên bảng.</li> <li>* GV yêu cầu HS quan sát bản đồ hình 7.1 hoặc Atlas ĐLVN và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:</li> </ul> <p>1. <i>Nêu các đặc điểm của sông ngòi nước ta.</i></p>	<p><b>I. Đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông</b></p> <p><b>1. Đặc điểm mạng lưới sông</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mạng lưới sông ngòi</li> </ul>

<p>2. Chứng minh mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc.  3. Xác định trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.  4. Vì sao nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc nhưng chủ yếu là sông nhỏ, ngắn và dốc?  5. Xác định trên bản đồ các sông chảy theo hướng TB-ĐN và vòng cung. Vì sao sông ngòi nước ta chảy theo 2 hướng đó?  6. Chứng minh chế độ nước sông chảy theo 2 mùa rõ rệt. Giải thích nguyên nhân.  7. Chứng minh sông ngòi nước ta có lượng phù sa lớn. Giải thích nguyên nhân.</p> <p><b>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <p>* HS quan sát bản đồ hình 6.1 hoặc Atlas ĐLVN và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.</p> <p><b>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</b></p> <p>* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:</p> <p>1.  - Mạng lưới sông ngòi dày đặc.  - Sông chảy theo hai hướng chính là tây bắc - đông nam và vòng cung.  - Chế độ dòng chảy phân 2 mùa rất rõ rệt.  - Sông ngòi nước ta có lượng phù sa lớn.</p> <p>2. Nước ta có 2360 con sông dài trên 10km, dọc bờ biển trung bình cứ đi khoảng 20km lại gặp 1 cửa sông.</p> <p>3.  - HS xác định trên bản đồ 9 lưu vực của các hệ thống sông lớn: Sông Hồng, Thái Bình, Kì Cùng – Bằng Giang, sông Mã, Sông Cả, Thu Bồn, Đà Rằng, Đồng Nai, Mê Công.</p> <p>4.  Do nước ta có lượng mưa nhiều là nguồn cấp nước chính cho sông, địa hình hẹp ngang, <math>\frac{3}{4}</math> diện tích là đồi núi, núi lan ra sát biển.</p> <p>5.  - HS xác định trên bản đồ các sông chảy theo hướng tây bắc -</p>	<p>dày đặc: Nước ta có 2360 con sông dài trên 10km. Phần lớn các sông nước ta nhỏ ngắn và dốc.  - Sông chảy theo hai hướng chính là tây bắc - đông nam và vòng cung. Ngoài ra còn chảy theo hướng tây – đông hoặc đông – tây.  - Chế độ dòng chảy phân 2 mùa rất rõ rệt: mùa lũ và mùa cạn. Mùa lũ chiếm khoảng 70-80% lượng nước cả năm.  - Sông ngòi nước ta có lượng phù sa lớn khoảng 200 triệu tấn/năm.</p>
---	--

đông nam: sông Hồng, sông Đà, sông Mã, sông Cả, sông Tiền... và vòng cung: sông Lô, sông Gâm, sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam.

- Nguyên nhân: Nguyên nhân: do hướng núi và hướng nghiêng địa hình quy định hướng chảy của sông.

- Ngoài ra sông ngòi nước ta còn chảy theo hướng hướng tây – đông hoặc đông – tây, chủ yếu ở Tây Nguyên và Nam Trung Bộ.

6.

- Mùa lũ tương ứng với mùa mưa và mùa cạn tương ứng với mùa khô.

- Mùa lũ kéo dài khoảng 4-5 tháng chiếm 70-80% tổng lượng nước cả năm.

- Mùa cạn kéo dài khoảng 7-8 tháng chiếm 20-30% tổng lượng nước cả năm.

- Nguyên nhân: do chế độ nước sông phụ thuộc vào chế độ mưa, khí hậu nước ta có 2 mùa: mưa, khô nên sông ngòi có 2 mùa: lũ, cạn tương ứng.

7.

- Tổng lượng phù sa lớn khoảng 200 triệu tấn/năm.

- Nguyên nhân: mưa lớn, tập trung chủ yếu vào mùa mưa và địa hình nhiều đồi núi.

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

#### **Bước 4. Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

\* **GV mở rộng:** Nước Sông Hồng về mùa lũ có màu đỏ-hồng do phù sa mà nó mang theo, đây cũng là nguồn gốc tên gọi của nó. Lượng phù sa của Sông Hồng rất lớn, trung bình khoảng 100 triệu tấn trên năm tức là gần 1,5 kg phù sa trên một mét khối nước. Phù sa giúp cho đồng ruộng thêm màu mỡ, đồng thời bồi đắp và mở rộng vùng châu thổ ở vùng duyên hải thuộc hai tỉnh Thái Bình, Nam Định.

## 2.2. Tìm hiểu về Chế độ nước của một số hệ thống sông lớn (45 phút)

a. **Mục tiêu:** HS phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.

b. **Nội dung:** Quan sát hình 7.1 hoặc Atlas ĐLVN, bảng 7, hình 7.2, 7.3 và các hình ảnh minh họa kết hợp kênh chữ SGK tr116-118, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.

Bảng 7. Một số hệ thống sông lớn ở Việt Nam

TT	Hệ thống sông	Độ dài dòng chính (km)	Diện tích lưu vực (km <sup>2</sup> )	Lượng dòng chảy (km <sup>3</sup> /năm)	Mùa lũ (tháng)
1	Hồng	556	72 700	76,0	6 – 10
		1 126	143 700	123,6	
2	Thái Bình	385	15 180	9,55	6 – 10
3	Kỳ Cùng – Bàng Giang	243	11 280	8,15	6 – 9
			13 260	9,53	
4	Mã	410	17 600	14,75	6 – 10
		512	28 400	20,25	
5	Cả	361	17 730	15,94	7 – 11
		513	27 200	19,54	
6	Thu Bồn	205	10 350	20,88	9 – 12
7	Ba (Đà Rằng)	388	13 900	9,75	9 – 12
8	Đồng Nai	635	37 400	33,26	7 – 11
			44 100	36,86	
9	Cửu Long (Mê Công)	230	68 824	49,24	7 – 11
		4 300	795 000	500	

– Từ số chỉ độ dài sông, diện tích lưu vực sông, lượng dòng chảy sông trên lãnh thổ Việt Nam.  
– Mẫu số chỉ toàn bộ độ dài sông, diện tích lưu vực sông, lượng dòng chảy sông kể cả ngoài lãnh thổ Việt Nam.



Hình 7.2. Một đoạn sông Lô chảy qua thành phố Tuyên Quang (tỉnh Tuyên Quang)



Hình 7.3. Một đoạn sông Thu Bồn chảy qua thành phố Hội An (tỉnh Quảng Nam)

c. **Sản phẩm:** trả lời được các câu hỏi của GV.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p><b>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* GV gọi HS đọc nội dung mục 1.b SGK.</li> <li>* GV treo hình 7.1, bảng 7, hình 7.2, 7.3 lên bảng.</li> <li>* GV chia lớp làm 6 nhóm, mỗi nhóm từ 6 đến 8 em, yêu cầu HS quan sát hình 7.1 hoặc Atlas ĐLVN, bảng 7, hình 7.2, 7.3 và thông tin trong bài, thảo luận nhóm trong 10 phút để trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập sau:</li> </ul>	<p><b>I. Đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông</b></p> <p><b>2. Chế độ nước của một số hệ thống sông lớn.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* <b>Hệ thống sông Hồng</b></li> </ul>

1. Nhóm 1, 2 – phiếu học tập số 1

Phần câu hỏi	Phần trả lời
<p>Xác định vị trí, xác định một số con sông, chiều dài sông chính, diện tích lưu vực, hướng chảy và số phụ lưu sông Hồng trên bản đồ.</p>	
<p>Trình bày và giải thích đặc điểm chế độ nước sông Hồng.</p>	

2. Nhóm 3, 4 – phiếu học tập số 2

Phần câu hỏi	Phần trả lời
<p>Xác định vị trí, xác định một số con sông, chiều dài sông chính, diện tích lưu vực, hướng chảy và số phụ lưu sông Thu Bồn trên bản đồ.</p>	
<p>Trình bày và giải thích đặc điểm chế độ nước sông Thu Bồn.</p>	

- Chảy theo hướng TB-ĐN, có trên 600 phụ lưu.

- Chế độ dòng chảy khá đơn giản với mùa lũ dài khoảng 5 tháng, tập trung tới 75 - 80% tổng lượng nước cả năm.

**\* Hệ thống sông Thu Bồn**

- Chảy theo hướng tây-đông, có trên 80 phụ lưu.

- Mùa lũ thường kéo dài khoảng 3 tháng vào thu - đông nhưng tập trung khoảng 65% tổng lượng nước cả năm.

**\* Hệ thống sông Cửu Long**

- Chảy theo hướng TB-ĐN, có trên 280 phụ lưu.

- Chế độ nước đơn giản và khá điều hòa, mùa lũ dài khoảng 5 tháng, chiếm 75 - 80% tổng lượng nước cả năm.



### 3. Nhóm 5, 6 – phiếu học tập số 3

<b>Phần câu hỏi</b>	<b>Phần trả lời</b>
<i>Xác định vị trí, xác định một số con sông, chiều dài sông chính, diện tích lưu vực, hướng chảy và số phụ lưu sông Cửu Long trên bản đồ.</i>	
<i>Trình bày và giải thích đặc điểm chế độ nước sông Cửu Long.</i>	

#### **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* HS quan sát hình 7.1 hoặc Atlas ĐLVN, bảng 7, hình 7.2, 7.3 và thông tin trong bài, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

#### **Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện nhóm 2, 4, 6 lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:

#### 1. Nhóm 2 – phiếu học tập số 1

<b>Phần câu hỏi</b>	<b>Phần trả lời</b>
<i>Cho biết chiều dài sông chính, diện tích lưu vực, hướng chảy và</i>	- Nằm ở phần lớn lãnh thổ phía Bắc nước ta. - Các sông: sông Đà, sông Chảy, sông Lô, sông Gâm, sông Đáy, sông

<i>số phụ lưu sông Hồng.</i>	Trà Lý,... - Độ dài 556km, diện tích lưu vực 72700 km <sup>2</sup> , chảy theo hướng TB-ĐN, số phụ lưu: trên 600.		
<i>Trình bày và giải thích đặc điểm chế độ nước sông Hồng.</i>	- Chế độ dòng chảy khá đơn giản với mùa lũ dài khoảng 5 tháng, tập trung tới 75 - 80% tổng lượng nước cả năm.  - Do mùa lũ xảy ra đồng thời giữa sông chính và các phụ lưu nên lũ thường lên nhanh.		

## 2. Nhóm 4 – phiếu học tập số 2

<b>Phần câu hỏi</b>	<b>Phần trả lời</b>		
<i>Xác định vị trí, xác định một số con sông, chiều dài sông chính, diện tích lưu vực, hướng chảy và số phụ lưu sông Thu Bồn trên bản đồ.</i>	- Nằm ở Trung Trung Bộ (Quảng Nam, Đà Nẵng, Kon Tum)  - Các sông: sông Cái, sông Tranh.  - Độ dài 205km, diện tích lưu vực 10350 km <sup>2</sup> , chảy theo hướng tây - đông, số phụ lưu: trên 80.		
<i>Trình bày và giải thích đặc điểm chế độ nước sông Thu Bồn.</i>	- Mùa lũ thường kéo dài khoảng 3 tháng vào thu - đông nhưng tập trung khoảng 65% tổng lượng nước cả năm.  - Do độ dốc địa hình lớn, hình dạng sông và chế độ mưa phân mùa mạnh mẽ nên sông thường xảy ra lũ lớn, lũ lên nhanh và rút nhanh.		

### 3. Nhóm 6 – phiếu học tập số 3

<b>Phần câu hỏi</b>	<b>Phần trả lời</b>
<i>Xác định vị trí, xác định một số con sông, chiều dài sông chính, diện tích lưu vực, hướng chảy và số phụ lưu sông Cửu Long trên bản đồ.</i>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nằm ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên.</li><li>- Các sông: sông Tiền, sông Hậu, sông Ba Lai, sông Cổ Chiên, sông Cái Lớn, sông Cái Bé, sông Xê-xan, Srê-pôk.</li><li>- Độ dài 230km, diện tích lưu vực 68824 km<sup>2</sup>, chảy theo hướng TB - ĐN, số phụ lưu: trên 280.</li></ul>
<i>Trình bày và giải thích đặc điểm chế độ nước sông Cửu Long.</i>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chế độ nước đơn giản và khá điều hòa, mùa lũ dài khoảng 5 tháng, chiếm 75 - 80% tổng lượng nước cả năm.</li><li>- Do sông có diện tích lưu vực lớn, độ dốc nhỏ nên lũ thường lên chậm và rút chậm. Tuy nhiên, hệ thống sông Cửu Long chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của biển, đặc biệt là trong mùa cạn.</li></ul>

\* HS các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.

#### **Bước 4. Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.